

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp vỏ bao dán PP 50kg.
- Số hiệu gói thầu: 268/CHCT/XMCP/ĐT/2025.
- Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh.
- Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.
- Bên A: là Bên mời thầu/ Chủ đầu tư, Bên B: là nhà thầu.
- Phạm vi cung cấp

Stt	Tên hàng hóa	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đvt	Khối lượng ( $\pm 10\%$ )
1	Vỏ bao dán PP 50kg	<ul style="list-style-type: none"><li>- Manh PP: Trắng bóng.</li><li>- Marquett: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.</li><li>- Khối lượng 1 vỏ bao: <math>80g \pm 5g</math>.</li><li>- Kích thước:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Chiều dài thân bao: <math>620 \pm 5mm</math>.</li><li>+ Chiều rộng thân bao: <math>500 \pm 5mm</math>.</li><li>+ Chiều rộng đáy bao: <math>110 \pm 5mm</math>.</li><li>+ Chiều dài tấm dán (đáy + đầu): <math>385 \pm 5mm</math>.</li><li>+ Chiều rộng tấm dán 2 đầu: <math>105 \pm 5mm</math>.</li><li>+ Chiều sâu van: <math>160 \pm 5mm</math> (van bao không bị lồi, hở trong quá trình đóng bao)</li></ul></li><li>- Xăm lỗ (khi có yêu cầu):<ul style="list-style-type: none"><li>+ Số hàng xăm lỗ, số lỗ trên hàng.</li><li>+ Kích thước giữa các lỗ.</li><li>+ Đường kính lỗ.</li><li>+ Vùng xăm lỗ.</li></ul></li><li>- Các chỉ tiêu khác:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Không có các vết rách thủng, nếp nhăn.</li><li>+ Không có vết hồ làm dính các lớp bao với nhau hoặc trong ruột bao với nhau.</li><li>+ Kích thước miệng bao hẹp hoặc rộng quá quy định.</li><li>+ Nhãn in không rõ nét, thiếu nét, nhòe lệch,</li></ul></li></ul>	Chiếc	1.100.000

Stt	Tên hàng hóa	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đvt	Khối lượng ( $\pm 10\%$ )
		hoặc sai kích thước. + Không có Phoi lẫn trong vỏ bao, cong vênh		

## Mục 2. Tiến độ, thời gian thực hiện Hợp đồng và địa điểm cung cấp

Nhà thầu đưa vào E-HSDT nội dung sau:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 380 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó: Tiến độ cung cấp hàng hóa trong vòng 365 ngày (Theo tiến độ cung cấp từng đơn đặt hàng cụ thể) và 15 ngày tiếp theo nghiệm thu.

- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Tiến độ cung cấp hàng hóa trong vòng 365 ngày (Theo tiến độ cung cấp từng đơn đặt hàng cụ thể).

Địa điểm cung cấp: Kho vật tư Nhà máy Xi măng Cẩm Phả.

## Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

### 1. Cam kết trong E-HSDT các Quy cách/thông số kỹ thuật sau:

- Manh PP: Tráng bóng.

- Marquett: Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

- Khối lượng 1 vỏ bao:  $80g \pm 5g$ .

#### - Kích thước:

+ Chiều dài thân bao:  $620 \pm 5mm$ .

+ Chiều rộng thân bao:  $500 \pm 5mm$ .

+ Chiều rộng đáy bao:  $110 \pm 5mm$ .

+ Chiều dài tấm dán (đáy + đầu):  $385 \pm 5mm$ .

+ Chiều rộng tấm dán 2 đầu:  $105 \pm 5mm$ .

+ Chiều sâu van:  $160 \pm 5mm$  (van bao không bị lòi, hở trong quá trình đóng bao)

#### - Xăm lỗ (khi có yêu cầu):

+ Số hàng xăm lỗ, số lỗ trên hàng.

+ Kích thước giữa các lỗ.

+ Đường kính lỗ.

+ Vùng xăm lỗ

#### - Các chỉ tiêu khác của vỏ bao không có các lỗi như sau:

Cam kết trong **E-HSDT** nội dung về Các chỉ tiêu khác của vỏ bao không có các lỗi như sau như sau:

- + Các vết rách thủng, nếp nhăn.
- + Vết hồ dán làm dính các lớp bao hoặc trong ruột bao với nhau.
- + Kích thước miệng bao hẹp hoặc rộng quá quy định.
- + Nhãn in không rõ nét, thiếu nét, nhòe lệch, hoặc sai kích thước.
- + Phoi lẫn trong vỏ bao, cong vênh.

## **2. Yêu cầu về quy cách đóng gói**

Cam kết trong **E-HSDT** về quy các đóng gói: Số lượng: đóng 10 vỏ bao/kiện

## **3. Yêu cầu về tỷ lệ rách vỡ**

Cam kết trong **E-HSDT** về tỷ lệ rách vỡ như sau: Định mức vỏ bao quy định của Bên mời thầu (Bên A)  $\leq 20,03$  vỏ/tấn xi măng. Tỷ lệ vỏ bao rách vỡ (bao gồm tất cả các lỗi làm thay đổi kết cấu vỏ bao như rách, vỡ, thủng, bung môi dán, đứt chỉ...) cho phép tối đa là:  $\leq 0,15\%$  trên tổng số vỏ bao của từng lô hàng hàng (đơn hàng) đó. Áp dụng cho cả xuất hàng bằng đường thủy và đường bộ.

## **4. Yêu cầu về tính toán số lượng thực tế từng chuyến hàng:**

Cam kết trong **E-HSDT** về tính toán số lượng thực tế từng chuyến hàng như sau: Số lượng vỏ bao được kiểm đếm trên cơ sở số lượng của từng bó mà Bên B đã thông báo. Tuy nhiên trong quá trình giao nhận, Bên A sẽ kiểm đếm xác suất 10% toàn bộ lô hàng. Tỷ lệ thiếu hụt cho phép là  $\leq 0,1\%$  số lượng kiểm đếm. Nếu số lượng vỏ bao thiếu  $> 0,1\%$  số lượng kiểm đếm thì Bên B bằng chi phí của mình kiểm tra lại toàn bộ lô hàng và Bên A giám sát. Bên B phải có trách nhiệm cấp bù số lượng bị thiếu hụt mà không nhận được bất kỳ một khoản phát sinh nào

## **5. Yêu cầu về phạt vi phạm về chất lượng và nghiệm thu.**

Cam kết trong **E-HSDT** về phạt vi phạm về chất lượng và nghiệm thu như sau:

### **5.1 Vi phạm về chất lượng:**

- Tỷ lệ rách vỡ  $> 0,15\%$  cả lô hàng đã giao thì không nghiệm thu và trả lại cho bên B cả lô hàng.
- Tỷ lệ  $0,15\% < \text{tỷ lệ rách vỡ}$  cả lô  $\leq 1\%$  chịu phạt như sau:
  - + Giá trị phạt mỗi vỏ bao bị rách vỡ = Đơn giá vỏ bao x số lượng rách vỡ x Tỷ lệ 1%.Tuy nhiên, Tổng giá trị phạt không quá 8% tổng giá trị vi phạm của lô hàng đó.
- Tỷ lệ rách vỡ cả lô  $> 1\%$  thì Bên B chịu phạt 8% giá trị lô hàng đã giao (trong trường hợp này các bên thống nhất hiệu bên B đã vi phạm toàn bộ lô hàng đã giao) và Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, đồng thời chỉ định 01 Nhà thầu khác để thực hiện theo khối

lượng cung cấp, Bên B bị cắt giảm khối lượng cung cấp đó và bù đắp toàn bộ chi phí phát sinh (giá mua cao hơn) trong quá trình Bên A lựa chọn Nhà thầu đó cung cấp

- Đối với vỏ bao bị rách từ đầu khi giao hàng thì trả lại cả lô hàng không nghiệm thu.
- Vỏ bao bị lỗi van bao, bong mối dán  $> 0.15\%$ /lô hàng thì trả lại toàn bộ lô hàng.
- Vỏ bao in sai maquette (màu sắc, mẫu mã...), có màu sắc khác (đậm hoặc nhạt hơn) hoặc kích thước không đạt yêu cầu so với vỏ bao mẫu, hoặc lô hàng có hai màu sắc vỏ bao thì trả cả lô hàng về, không nghiệm thu.
- Vỏ bao bị ẩm ướt trước khi giao hàng không nghiệm thu trả lại cho bên B cả lô hàng.
- Vỏ bao in sai maquette (màu sắc, mẫu mã...), có màu sắc khác (đậm hoặc nhạt hơn) so với vỏ bao mẫu.
- Đối với vỏ bao có các lỗi như: Các vết rách thủng, nếp nhăn; Vết hồ làm dính các lớp bao với nhau hoặc trong ruột bao với nhau; Kích thước miệng bao hẹp hoặc rộng quá quy định; Nhãn in không rõ nét, thiếu nét, nhòe lệch, hoặc sai kích thước; Phoi lẫn trong vỏ bao, công vênh  $> 0.15\%$ /lô hàng thì trả lại toàn bộ lô hàng.

=> Vi phạm một trong số những trường hợp nêu trên Bên A sẽ trả lại hàng, Bên B có trách nhiệm bổ sung hoặc thay thế hàng hóa mới cho phù hợp với hợp đồng trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày Bên A yêu cầu Bên B, đồng thời bên B phải chịu mức phạt 01% (một phần trăm) giá trị phần hàng hóa vi phạm chất lượng. Nếu Bên B không thay thế bổ sung hàng hóa hoặc phần hàng hóa thay thế bổ sung vẫn tiếp tục không đáp ứng chất lượng đã quy định trong hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và bên B phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng. Mọi trường hợp phạt 8% giá trị hợp đồng, các bên thống nhất hiểu Bên B đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng phải chịu phạt trên tổng giá trị hợp đồng và bồi thường thiệt hại nếu có.

## **5.2 Vi phạm về số lượng nghiệm thu vỏ bao:**

### **✓ Số lượng hàng giao bị thiếu:**

- Giao hàng thiếu hụt:  $0,1\% < \text{Tỷ lệ giao hàng thiếu cả lô} \leq 0,3\%$  theo đơn đặt hàng. Bên A đồng ý cho Bên B cấp bù số lượng hàng thiếu trong vòng 03 ngày tiếp theo kể từ ngày giao hàng hoặc theo thời gian hai Bên A và B thỏa thuận.
- Giao hàng thiếu hụt từ  $0,3\% < \text{Tỷ lệ giao hàng thiếu cả lô} \leq 0,5\%$  số lượng hàng hóa cần phải giao theo đơn đặt hàng. Bên A đồng ý cho Bên B cấp bù số lượng hàng thiếu trong vòng 03 ngày tiếp theo kể từ ngày giao hàng hoặc theo thời gian hai Bên A và Bên B thỏa thuận, đồng thời Bên B sẽ phải chịu mức phạt là: Giá trị phạt vi phạm hàng thiếu hụt: Đơn giá vỏ bảo x số lượng thiếu hụt x 1%.

- Giao hàng thiếu hụt > 0,5% số lượng hàng hóa cần phải giao quy định trong từng đơn đặt hàng, Bên A đồng ý cho Bên B cấp bù số lượng hàng thiếu trong vòng 03 ngày tiếp theo kể từ ngày giao hàng hoặc theo thời gian hai Bên A và Bên B thỏa thuận đồng thời Bên B sẽ phải chịu mức phạt là: Giá trị phạt vi phạm hàng thiếu hụt: Đơn giá vò bảo x số lượng thiếu hụt x 1%. Trường hợp này Bên A có quyền Bên B bồi thường thiệt hại (nếu có).

- Nếu Bên B giao hàng thiếu hụt từ 03 lần trở lên trong một tháng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, đồng thời chỉ định 01 Nhà thầu khác để thực hiện theo khối lượng cung cấp, Bên B bị cắt giảm khối lượng cung cấp tiếp theo và bù đắp toàn bộ chi phí phát sinh (giá mua cao hơn – bồi thường thiệt hại) trong quá trình Bên A lựa chọn Nhà thầu đó cung cấp.

## **6. Phạt vi phạm về tiến độ cung cấp**

Cam kết trong **E-HSDT** nội dung về phạt vi phạm về tiến độ cung cấp như sau:

- Nếu Nhà thầu giao hàng chậm không quá 02 (hai) ngày thì Nhà thầu sẽ phải chịu mức phạt bằng 04% (bốn phần trăm) giá trị lô hàng giao chậm cho mỗi ngày giao chậm, tuy nhiên tổng mức phạt không quá 08% (tám phần trăm) giá trị hàng giao chậm.

- Nếu Nhà thầu giao hàng chậm quá 02 (hai) ngày thì Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu mức phạt là 8% tổng giá trị hợp đồng. Trường hợp này các bên thống nhất hiệu Nhà thầu đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng phải chịu phạt trên tổng giá trị hợp đồng và bồi thường thiệt hại nếu có.

- Nếu một bên đơn phương hủy bỏ hợp đồng mà không thuộc những điều khoản cho phép đơn phương hủy hợp đồng hoặc không có sự thỏa thuận bằng văn bản của bên kia thì phải chịu phạt 08% (tám phần trăm) tổng giá trị hợp đồng.

**Ghi chú: Ngoài các trường hợp vi phạm trên, các trường hợp còn lại tuân thủ theo E-ĐKC 22 tại Chương VII của E-HSMT**

## **7. Điều kiện, địa điểm và phương thức giao nhận hàng hóa.**

Cam kết trong **E-HSDT** nội dung về Điều kiện, địa điểm và phương thức giao nhận hàng hóa như sau:

### **7.1 Điều kiện giao nhận hàng:**

- Căn cứ vào đơn đặt hàng yêu cầu cung cấp hàng của Bên A, Bên B phải thông báo trước cho Bên A thời gian, số lượng hàng của từng đợt giao hàng.

+ Hàng sẽ được giao trong giờ hành chính (sáng từ 8h đến 12h, chiều từ 13h30 đến 17h30 hàng ngày). Trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Bên mua phục vụ cho sản xuất thì có thể giao nhận 24/24h kể cả ngày lễ và chủ nhật.

+ Việc vận chuyển trên các tuyến đường (từ nơi lấy hàng đến nơi giao hàng)

thì nhà thầu tự chịu mọi trách nhiệm, chi phí trong quá trình vận chuyển.

**7.2 Phương thức giao nhận:** Bên A sẽ kiểm đếm xác suất 10% toàn bộ kiện hàng và đếm tổng số kiện hàng giao. Trường hợp kiểm đếm xác suất thiếu hụt, Bên B sẽ thực hiện kiểm đếm lại toàn bộ các bó/kiện hàng giao. Bên B phải có trách nhiệm cấp bù số lượng bị thiếu hụt mà không nhận được bất kỳ một khoản phát sinh nào.

**7.3 Địa điểm giao nhận:** Bên B giao hàng cho Bên A tại kho của Bên A tại Km 6, Phường Cẩm Thạch, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

## **8. Kiểm tra và thử nghiệm Mẫu vỏ bao (khi thực hiện Hợp đồng)**

### **8.1 Số lượng mẫu yêu cầu**

Từng lô hàng (theo đơn đặt hàng), Bên B cung cấp 01 bộ gồm 20 vỏ (01 bộ mẫu này có in maquette, Bên A sẽ lấy ngẫu nhiên trong lô hàng) để làm cơ sở đối chiếu các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Sau khi lấy mẫu xong thì nhân viên lấy mẫu phải làm biên bản lấy mẫu. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị tương đương nhau.

Sau khi kiểm tra xong chất lượng và số lượng vỏ bao. Bên A tiến hành làm biên bản ghi lại kết quả kiểm tra.

### **8.2 Kiểm tra và thí nghiệm mẫu**

Bên A sẽ tiến hành kiểm tra mẫu hàng hóa để đánh giá các chỉ tiêu kỹ thuật. Cách thức kiểm tra và thí nghiệm như sau:

- Đánh giá các tiêu chí nêu tại khoản 1, Mục 3 (trừ chỉ tiêu chất lượng giấy làm vỏ bao).

- Đánh giá bằng phương pháp thí nghiệm thả rơi: Đây là phương pháp để đánh giá chất lượng giấy làm vỏ bao:

+ Bước 1: Lấy 10 vỏ bao mẫu sẽ được Bên A và Bên B thực hiện thí nghiệm thả rơi để xác định chất lượng và tỷ lệ rách vỡ.

+ Bước 2: Mỗi một chiếc vỏ bao dùng làm thí nghiệm được máy đóng bao đóng một lượng xi măng theo đúng tiêu chuẩn quy định với khối lượng:  $50 \text{ kg} \pm 0,5\text{kg}$ /vỏ bao. Để các bao thí nghiệm sau khi đóng đầy trong khoảng thời gian 30 phút cho bao xi măng nguội và thoát khí mới bắt đầu tiến hành thí nghiệm thả rơi. Độ cao thả rơi làm chuẩn cho việc thử nghiệm thả rơi: 1,2m.

+ Bước 3: Từng bao xi măng thí nghiệm được đặt thẳng bằng và thả rơi tự do xuống nền bằng phẳng. Số lần thả rơi cho từng bao: 10 lần/bao. Bất kỳ Bao xi măng nào khi thí nghiệm thả rơi bị vỡ sẽ không được thí nghiệm tiếp.

+ Bước 4: Ghi kết quả thí nghiệm với các tiêu chí ghi trong Phiếu kiểm tra chất lượng Vỏ bao dán PP.

**Mục 4: Yêu cầu về Mẫu vỏ bao (khi đánh giá E-HSDT).**

- Đề nghị Nhà thầu gửi mẫu theo địa chỉ bên mời thầu (01 bộ mẫu 20 chiếc vỏ bao **không yêu cầu in market**). Bên mời thầu sẽ tiến hành kiểm tra mẫu hàng hóa để đánh giá các chỉ tiêu kỹ thuật nêu trên. Trong trường hợp, mẫu hàng hóa của Nhà thầu không đáp ứng được tất cả các yêu cầu kỹ thuật thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá các bước tiếp theo

- Thời điểm cung cấp mẫu: trước thời điểm đóng thầu hoặc trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. Gửi trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh đến địa điểm của Bên mời thầu

- Địa chỉ bên mời thầu: Công ty CP Xi măng Cẩm Phả. Km6, QL18A, P.Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.

- Tiêu chí đánh giá: Tiêu chí đánh giá theo các yêu cầu kỹ thuật khoản 1, mục 3.

- Chất lượng, các chỉ tiêu kỹ thuật... của mẫu thử nghiệm được lưu tại Bên mời thầu làm cơ sở để đối chiếu, so sánh với vỏ bao mà Nhà thầu sẽ cung cấp trong trường hợp trúng thầu và để đối chiếu trong trường hợp có sự tranh chấp về chất lượng hàng hóa do Nhà thầu cung cấp.

**Ghi chú:** Trước khi thực hiện kiểm tra mẫu để đánh giá **E-HSDT** bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản/điện thoại/Email cho Nhà thầu đến cùng kiểm tra/đánh giá mẫu.

**Mục 5: Maquette đính kèm.**

500 mm

620 mm

**PCB30**  
TCVN 6260 : 2020

**XI MĂNG CẨM PHẢ**  
**CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN**

ISO 9001 : 2015    JAS-ANZ    TCVN 6260:2020    QCVN 16:2023/BXD

SỐ LÔ: TK - P9028

55 mm

50 mm

**XI MĂNG ĐA DỤNG - SIÊU KẾT DÍNH**

**XI MĂNG CẨM PHẢ PCB 30**

KLT: 50kg

500 mm

**XI MĂNG CẨM PHẢ**  
**CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN**

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

Thành phần	Đơn vị	Yêu cầu kỹ thuật TCVN 6260:2020	Phương pháp thử
Cường độ chịu nén - 3 ngày - 28 ngày	MPa MPa	14 min 30 min	TCVN 6016:2011
Thời gian đông kết - Bắt đầu - Kết thúc	Phút Phút	45 min 420 max	TCVN 6017:2015

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

**TỶ LỆ CẤP PHỐI BÊ TÔNG**

MÁC BÊ TÔNG	TỶ LỆ CẤP PHỐI				KẾT CẤU CÔNG TRÌNH THƯỜNG DÙNG
	XI MĂNG (BAO)	CÁT VÀNG (XỔ - 18 Lít)	ĐÁ 1X2 (XỔ - 18 Lít)	NƯỚC SẠCH	
M200	50 kg	3 xô	3 xô	Vừa đủ thi công	Nền nhà, kho, xường
M250	50 kg	3 xô	3 xô	Vừa đủ thi công	Cột, dầm, mái, ô văng

**TỶ LỆ CẤP PHỐI VỮA XÂY TRÁT**

MÁC VỮA	TỶ LỆ CẤP PHỐI			KẾT CẤU CÔNG TRÌNH THƯỜNG DÙNG
	XI MĂNG (XỔ)	CÁT VÀNG (XỔ)	NƯỚC SẠCH	
M75	1 xô	3 xô	Vừa đủ thi công	Xây tường chịu lực, trát tường
M100	1 xô	3 xô	Vừa đủ thi công	Trát tường chịu lực, trát ngoài chống thấm, trát trần.

**HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN**

- Không xếp bao xi măng trực tiếp xuống nền, xếp cách tường từ 15cm - 20cm.
- Xi măng phải được để nơi khô ráo, bao che tránh ẩm ướt.
- Không xếp cao quá 10 bao một chồng.

**LƯU Ý KHI SỬ DỤNG**

- Không được ăn, không nên tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.
- Sử dụng nước sạch, không sử dụng nước mặn, nước bẩn để trộn bê tông hoặc vữa.
- Sử dụng cát, đá sạch, không lẫn bùn đất.
- Sử dụng hết hỗn hợp bê tông hoặc vữa đã trộn trong vòng 2h.
- Làm ướt và sạch bề mặt (tường, trần, gạch,...) trước khi xây, trát.
- Đưỡng ẩm ngay sau khi hoàn thiện đổ bê tông.

**SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY XI MĂNG CẨM PHẢ**

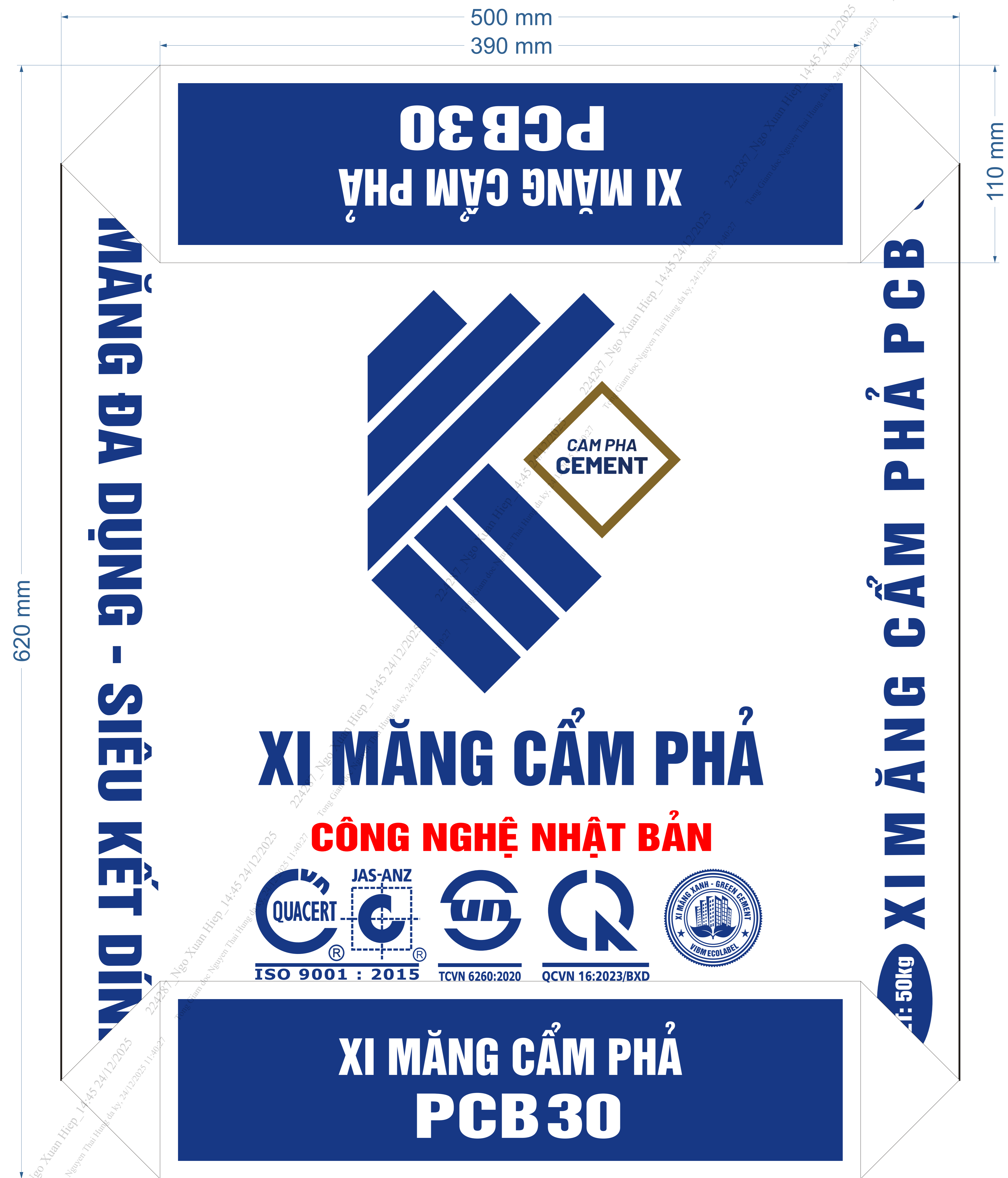
ĐC: Km6, Quốc lộ 18A, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh  
ĐT: Hotline: 0968 523 388 - (+84-203) 3 721996 Fax: (+84-203) 3 714 605  
Email: info@camphacement.vn Website: www.camphacement.vn

110 mm

**XI MĂNG CẨM PHẢ**  
**PCB30**

390 mm

Khách hàng: XM Cẩm Phả
Số SDS: 65012
Thiết kế: Duc Luong
Ngày: 24/09/2025



## BAO BÌ IN LOGO 3D

- ① Khoảng cách từ mép vải tới vị trí in là 5mm

Lưu ý: Trong trường hợp CÁC ĐỐI TƯỢNG PHỤ TRỪ LOGO in màu xanh mã màu pantone7686Cp không lên được màu, có thể thay thế màu xanh đậm hơn (Pantone 295CP)



C= 100 - M= 80



C= 100 - M= 85 - Y= 35 - K= 30



**PCB40**  
TCVN 6260 : 2020



**XI MĂNG CẨM PHẢ**  
**CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN**

  
 ISO 9001 : 2015

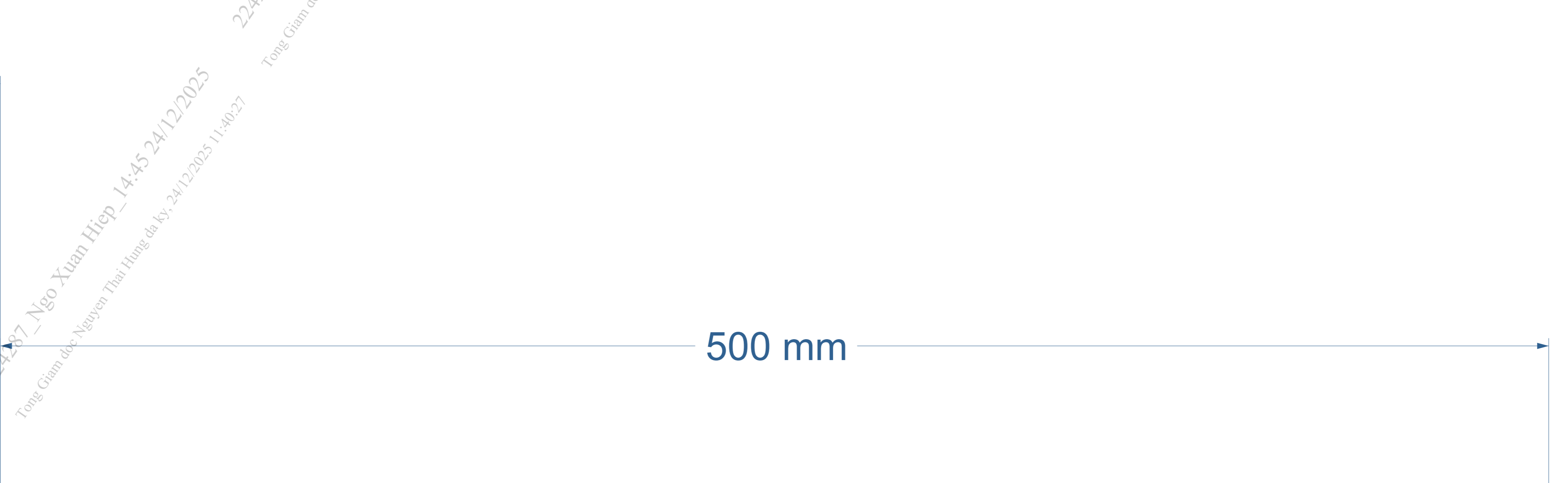

  
 TCVN 6260:2020

  
 QCVN 16:2023/BXD

  
 55 mm

**SỐ LÔ: TK - P8026**

**KLT:50kg**

**XI MĂNG CẨM PHẢ**  
**CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN**

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

Thành phần	Đơn vị	Yêu cầu kỹ thuật TCVN 6260:2020	Phương pháp thử
Cường độ chịu nén - 3 ngày - 28 ngày	MPa MPa	18 min 40 min	TCVN 6016:2011
Thời gian đông kết - Bắt đầu - Kết thúc	Phút Phút	45 min 420 max	TCVN 6017:2015

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

**TỶ LỆ CẤP PHỐI BÊ TÔNG**

MÁC BÊ TÔNG	TỶ LỆ CẤP PHỐI				KẾT CẤU CÔNG TRÌNH THƯỜNG DÙNG
	XI MĂNG (BAO)	CÁT VÀNG (XỎ - 18 Lit)	ĐÁ 1X2 (XỎ - 18 Lit)	NƯỚC SẠCH	
M200	50 kg	4	4	Vừa đủ thi công	Nền nhà, kho, xưởng
M250	50 kg	3	4	Vừa đủ thi công	Cột, dầm, mái, ô văng
M300	50 kg	2	4	Vừa đủ thi công	Cột, dầm, mái, ô văng và các kết cấu chịu lực ...

**TỶ LỆ CẤP PHỐI VỮA XÂY TRÁT**

MÁC VỮA	TỶ LỆ CẤP PHỐI			KẾT CẤU CÔNG TRÌNH THƯỜNG DÙNG
	XI MĂNG (XỎ)	CÁT VÀNG (XỎ)	NƯỚC SẠCH	
M75	1	3	Vừa đủ thi công	Xây tường chịu lực, trát tường
M100	1	3	Vừa đủ thi công	Xây tường chịu lực cao tầng, trát tường chịu lực, trát ngoài chống thấm, trát trần

**HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN**


- Không xếp bao xi măng trực tiếp xuống nền, xếp cách tường từ 15cm - 20cm.
- Xi măng phải được để nơi khô ráo, bao che tránh ẩm ướt.
- Không xếp cao quá 10 bao một chồng.

**LƯU Ý KHI SỬ DỤNG**

- Không được ăn, không nên tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.
- Sử dụng nước sạch, không sử dụng nước mặn, nước bẩn để trộn bê tông hoặc vữa.
- Sử dụng cát, đá sạch, không lẫn bùn đất.
- Sử dụng hết hỗn hợp bê tông hoặc vữa đã trộn trong vòng 2h.
- Làm ướt và sạch bề mặt (tường, trần, gạch,...) trước khi xây, trát.
- Dưỡng ẩm ngay sau khi hoàn thiện đổ bê tông.

**SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY XI MĂNG CẨM PHẢ**

ĐC: Km6, Quốc lộ 18A, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh  
ĐT: Hotline: 0968 523 388 - (+84-203) 3 721996 Fax: (+84-203) 3 714 605  
Email: info@camphacement.vn Website: www.camphacement.vn



Khách hàng: XM Cẩm Phả  
Số SDS: 65044  
Thiết kế: Duc Luong  
Ngày: 24/09/2025



## BAO BÌ IN LOGO 3D

① Khoảng cách từ mép vải tới vị trí in là 5mm

Lưu ý: Trong trường hợp CÁC ĐỐI TƯỢNG PHỤ TRỪ LOGO in màu xanh mã màu pantone7686Cp không lên được màu, có thể thay thế màu xanh đậm hơn (Pantone 295CP)



C= 100 - M= 80



C= 100 - M= 85 - Y= 35 - K= 30